CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH THÁI ANH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 777/2026/TB-TA	*An Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN NIÊM YẾT

I. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá hợp danh Thái Anh; Địa chỉ: Số 156 đường Lâm Quang Ky, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

II. Người có tài sản đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh An Giang; Địa chỉ: Số 849A đường Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tại lô L1, L4, L5 và L2, L3 thuộc Dự án Tuyến dân cư đường đê biển, đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang:

- Tổng số: 192 thửa (trong đó thửa C1 là đất thương mại dịch vụ (có danh sách đính kèm)).
- Diện tích: Từ 150m^2 – 679,1m^2/thửa.

2. Giá khởi điểm: Từ 3.726.000.000 – 23.459.770.274 đồng/thửa.

3. Bước giá tối thiểu: 20.000.000 đồng/01 lần gọi giá.

4. Tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá:

- Đối với cá nhân: Từ 200.000 – 1.000.000 đồng/hồ sơ.
- Đối với tổ chức: Từ 400.000 – 1.000.000 đồng/hồ sơ.

5. Tiền đặt trước: 20%/giá khởi điểm. Nộp vào tài khoản **Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh An Giang**, số tài khoản: **1200 0011 5347**, mở tại: **Vietinbank – CN Kiên Giang**. Từ ngày ra thông báo đến **17** giờ ngày **27/10/2026**.

6. Điều kiện tham gia đấu giá: Các Cá nhân, tổ chức thuộc đối tượng Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 119, Điều 120 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 điều được đăng ký tham gia đấu giá, ngoại trừ những trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

7. Hình thức và phương thức tổ chức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói theo phương thức trả giá lên.

8. Thời gian, địa điểm xem tài sản: Từ ngày ra thông báo đến **17** giờ ngày **27/10/2026**, tại nơi tài sản tọa lạc.

9. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ và nhận hồ sơ đăng ký: Từ ngày ra thông báo đến **17** giờ ngày **27/10/2026** *(giờ hành chính)* tại Công ty.

10. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Lúc **09** giờ **00** phút ngày **30/10/2026**, tại Công ty Đấu giá hợp danh Thái Anh.

*** Mọi chi tiết xin liên hệ:**

Công ty Đấu giá hợp danh Thái Anh, số điện thoại: 0919.414.292 - 0918.799.479;

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh An Giang, số điện thoại: 0909 897 893.

Nơi nhận:
- Trung tâm phát triển quỹ đất;
- UBND phường Rạch Giá;
- Website UBND tỉnh;
- Báo An Giang;
- Trang TTĐTQG về ĐGTS;
- Website Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Website Cục Quản lý công sản thuộc Bộ Tài chính.
- Lưu VT, HS.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH THÁI ANH

Trần Văn Hải

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT TẠI LÔ L1, L4, L5 VÀ L2, L3 THUỘC DỰ ÁN TUYẾN DÂN CƯ ĐƯỜNG ĐÊ BIỂN, PHƯỜNG RẠCH GIÁ, TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Thông báo đấu giá tài sản số: 777/2026/TB-TA ngày 01/10/2026 của Công ty Đấu giá Hợp danh Thái Anh)

Tt	Ký hiệu thửa đất	Trích đo hoặc trích lục	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước 20% (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)		Ghi chú
						Cá nhân	Tổ chức	
LÔ L1 CÓ 63 THỬA								
1	**L1-1**	**TĐCL447-2026**	**679,1**	**23.459.770.274**	**4.691.954.055**	**300.000**	**1.000.000**	**GÓC**
2	L1-2	TL115-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
3	L1-3	TL116-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
4	L1-4	TL117-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
5	L1-5	TL118-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
6	L1-6	TL119-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
7	L1-7	TL120-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
8	L1-8	TL121-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
9	L1-9	TL122-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
10	L1-10	TL123-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
11	L1-11	TL124-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
12	L1-12	TL125-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
13	L1-13	TL126-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
14	L1-14	TL127-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
15	L1-15	TL128-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
16	L1-16	TL129-2026	150	4.113.504.000	822.700.800	200.000	400.000	
17	L1-17	TL130-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
18	L1-18	TL131-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
19	L1-19	TL132-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
20	L1-20	TL133-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
21	L1-21	TL134-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
22	L1-22	TL135-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
23	L1-23	TL136-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
24	L1-24	TL137-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
25	L1-25	TL138-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
26	L1-26	TL139-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
27	L1-27	TL140-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
28	L1-28	TL141-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	

29	L1-29	TL142-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
30	L1-30	TL143-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
31	L1-31	TL144-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
32	L1-32	TL145-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
33	L1-33	TL146-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
34	L1-34	TL147-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
35	L1-35	TL148-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
36	L1-36	TL149-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
37	L1-37	TL150-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
38	L1-38	TL151-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
39	L1-39	TL152-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
40	L1-40	TL153-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
41	L1-41	TL154-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
42	L1-42	TL155-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
43	L1-43	TL156-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
44	L1-44	TL157-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
45	L1-45	TL158-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
46	L1-46	TL159-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
47	L1-47	TL160-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
48	L1-48	TL161-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
49	L1-49	TL162-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
50	L1-50	TL163-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
51	L1-51	TL164-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
52	L1-52	TL165-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
53	L1-53	TL166-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
54	L1-54	TL167-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
55	L1-55	TL168-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
56	L1-56	TL169-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
57	L1-57	TL170-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
58	L1-58	TL171-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
59	L1-59	TL172-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
60	L1-60	TL173-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
61	L1-61	TL174-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
62	L1-62	TL175-2026	150	3.934.656.000	786.931.200	200.000	400.000	
63	**L1-63**	**TL176-2026**	**349,2**	**11.737.138.943**	**2.347.427.789**	**300.000**	**1.000.000**	**GÓC**

LÔ L4 CÓ 55 THỬA								
1	**L4-1**	**TL212-2026**	**381,6**	**10.940.853.218**	**2.188.170.644**	**300.000**	**1.000.000**	**GÓC**
2	L4-2	TL213-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
3	L4-3	TL214-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
4	L4-4	TL215-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
5	L4-5	TL216-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
6	L4-6	TL217-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
7	L4-7	TL218-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
8	L4-8	TL219-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
9	L4-9	TL220-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
10	L4-10	TL221-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
11	L4-11	TL222-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
12	L4-12	TL223-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
13	L4-13	TL224-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
14	L4-14	TL225-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
15	L4-15	TL226-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
16	L4-16	TL227-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
17	L4-17	TL228-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
18	L4-18	TL229-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
19	L4-19	TL230-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
20	L4-20	TL231-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
21	L4-21	TL232-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
22	L4-22	TL233-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
23	L4-23	TL234-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
24	L4-24	TL235-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
25	L4-25	TL236-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
26	L4-26	TL237-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
27	L4-27	TL238-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
28	L4-28	TL239-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
29	L4-29	TL240-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
30	L4-30	TL241-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
31	L4-31	TL242-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
32	L4-32	TL243-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
33	L4-33	TL244-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
34	L4-34	TL245-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	

35	L4-35	TL246-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
36	L4-36	TL247-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
37	L4-37	TL248-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
38	L4-38	TL249-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
39	L4-39	TL250-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
40	L4-40	TL251-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
41	L4-41	TL252-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
42	L4-42	TL253-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
43	L4-43	TL254-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
44	L4-44	TL255-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
45	L4-45	TL256-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
46	L4-46	TL257-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
47	L4-47	TL258-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
48	L4-48	TL259-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
49	L4-49	TL260-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
50	L4-50	TL261-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
51	L4-51	TL262-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
52	L4-52	TL263-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
53	L4-53	TL264-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
54	L4-54	TL265-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
55	**L4-55**	**TL266-2026**	**269,50**	**7.672.181.787**	**1.534.436.357**	**300.000**	**600.000**	**GÓC**
LÔ L5 CÓ 38 THỬA								
1	**L5-1**	**TL267-2026**	**215,80**	**6.135.687.966**	**1.227.137.593**	**300.000**	**600.000**	**GÓC**
2	L5-2	TL268-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
3	L5-3	TL269-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
4	L5-4	TL270-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
5	L5-5	TL271-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
6	L5-6	TL272-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
7	L5-7	TL273-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
8	L5-8	TL274-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
9	L5-9	TL275-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
10	L5-10	TL276-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
11	L5-11	TL277-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
12	L5-12	TL278-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
13	L5-13	TL279-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	

14	L5-14	TL280-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
15	L5-15	TL281-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
16	L5-16	TL282-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
17	L5-17	TL283-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
18	L5-18	TL284-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
19	L5-19	TL285-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
20	L5-20	TL286-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
21	L5-21	TL287-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
22	L5-22	TL288-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
23	L5-23	TL289-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
24	L5-24	TL290-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
25	L5-25	TL291-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
26	L5-26	TL292-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
27	L5-27	TL293-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
28	L5-28	TL294-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
29	L5-29	TL295-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
30	L5-30	TL296-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
31	L5-31	TL297-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
32	L5-32	TL298-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
33	L5-33	TL299-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
34	L5-34	TL300-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
35	L5-35	TL301-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
36	L5-36	TL302-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
37	L5-37	TL303-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
38	**L5-38**	**TL304-2026**	**215,5**	**6.127.035.014**	**1.225.407.003**	**300.000**	**600.000**	**GÓC**
LÔ L2 CÓ 09 THỬA								
1	L2-02	TL177-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
2	L2-03	TL178-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
3	L2-04	TL179-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
4	L2-05	TL180-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
5	L2-06	TL181-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
6	L2-07	TL182-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
7	L2-10	TL183-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
8	L2-11	TL184-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
9	L2-15	TL185-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	

LÔ L3 CÓ 27 THỬA								
1	**C1**	**TĐCL446-2026**	**669,0**	**14.470.191.027**	**2.894.038.205**	**1.000.000**	**1.000.000**	**TMD**
2	L3-02	TL186-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
3	L3-03	TL187-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
4	L3-04	TL188-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
5	L3-05	TL189-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
6	L3-06	TL190-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
7	L3-07	TL191-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
8	L3-08	TL192-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
9	L3-09	TL193-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
10	L3-10	TL194-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
11	L3-11	TL195-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
12	L3-12	TL196-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
13	L3-13	TL197-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
14	L3-14	TL198-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
15	L3-15	TL199-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
16	L3-16	TL200-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
17	L3-17	TL201-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
18	L3-18	TL202-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
19	L3-19	TL203-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
20	L3-20	TL204-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
21	L3-21	TL205-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
22	L3-22	TL206-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
23	L3-23	TL207-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
24	L3-27	TL208-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
25	L3-28	TL209-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
26	L3-29	TL210-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	
27	L3-33	TL211-2026	150	3.726.000.000	745.200.000	200.000	400.000	